

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 3 – 2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Phạm Gắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phan Thiên V, sinh năm 1977. Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ngân hàng H2.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C – Chủ tịch HĐQT Ngân hàng H2.

Trụ sở chính: Tầng D, Tòa nhà N Hoàng Đạo T, Phường T, Quận C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh V1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng H2 – Chi nhánh tỉnh B. Địa chỉ: Tổ C, khu V, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn Đ – Chức vụ: Phó phòng khách hàng Doanh nghiệp và cá nhân Ngân hàng H2 – Chi nhánh tỉnh B. Có mặt.

2. Ngân hàng N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V2 – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ trụ sở chính: 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Vũ Phi P – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: A H, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Phan Ngọc T – chức vụ: Trưởng phòng khách hàng - A chi nhánh thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2024 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/9/2004. Thời gian đầu, chị H và anh V chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022, chị H và anh V bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân quá trình sống chung chị H và anh V không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không thể chia sẻ với nhau về những vướng mắc trong cuộc sống, mỗi khi tâm sự, chia sẻ chị H và anh V thường xuyên cãi nhau, chị H và anh V không có sự tôn trọng nhau, chị H và anh V không còn sống chung từ tháng 5/2024 và không thể quay lại để tiếp tục sống chung nên chị H yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 02 con chung, tên: Phan Thiên T1, sinh ngày 03/8/2005 và Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2012. Chị H yêu cầu nuôi cháu K và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi cháu K với mức **3.000.000 (Ba triệu)** đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày 01/8/2024. Đối với cháu T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có tạo lập được một số tài sản sau: 02 thửa đất được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DD 961174, thửa đất số 568, tờ bản đồ 87, diện tích 220,8m² (trên thửa đất này có 01 căn nhà cấp 4) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 961175, thửa đất số 569, tờ bản đồ 87, diện tích 888,9m² đều

toạ lạc tại thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; 01 thửa đất được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 102986, thửa số 368, tờ bản đồ 121, diện tích 798,1m² toạ lạc tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên và 01 xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS biển số 78A – 036.10 đứng tên anh V. Ngoài ra không có tài sản chung nào khác. Chị H yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật, chia đôi giá trị tài sản gồm: thửa số 368, tờ bản đồ 121, diện tích 798,1m² toạ lạc thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên và 01 xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS biển số 78A – 036.10 đứng tên anh V. Riêng thửa đất số 568, tờ bản đồ 87, diện tích 220,8m² (trên thửa đất này có 01 căn nhà cấp 4) và thửa đất số 569, tờ bản đồ 87, diện tích 888,9m² đều toạ lạc tại thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Các khoản nợ anh V trình bày là nợ riêng của cá nhân anh V.

**Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Thiên V trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/9/2004. Nay anh V đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 02 con chung, tên: Phan Thiên T1, sinh ngày 03/8/2005 và Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2012.

Anh V yêu cầu nuôi cháu K và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu K. Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng thì anh V không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K.

Về tài sản chung: Đối với 02 lô đất được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DD 961174, thửa đất số 568, tờ bản đồ 87, diện tích 220,8m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 961175, thửa đất số 569, tờ bản đồ 87, diện tích 888,9m² đều toạ lạc tại thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, trên đất có 01 căn nhà cấp 4. Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên anh V thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với thửa đất 368, tờ bản đồ 121, diện tích 798,1m² toạ lạc tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên có nguồn gốc của ông Phan Ngọc L (cha ruột của anh V) tặng cho riêng cá nhân anh V, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân anh V, anh V không đồng ý đây là tài sản chung nên không đồng ý chia thửa đất này.

Đối với 01 xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS biển số 78A – 036.10 mua 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng vào năm 2017, anh V đồng ý chia cho chị H 20% giá trị còn lại của xe nêu trên.

Về nợ chung: Không có, toàn bộ các khoản nợ tại Ngân hàng H2, Ngân hàng N và nợ anh Phan Thiên B là nợ riêng của anh V nên anh V không yêu cầu Toà án giải

quyết. Trường hợp các Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập thì đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng H2 trình bày (BL 74):

Ngân hàng yêu cầu anh Phan Thiên V thực hiện việc trả gốc và lãi vay theo cam kết trong hợp đồng cho vay, cụ thể khoản nợ tính đến ngày 20/8/2024 là 37.300.000 (Ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn) đồng tiền gốc và 61.315 (Sáu mươi một nghìn ba trăm mười lăm) đồng tiền lãi phát sinh.

Đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng N trình bày (BL 59):

Đề nghị anh V trả số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2024 là: 66.750.474 (Sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn bốn trăm bảy mươi bốn) đồng và tiền lãi phát sinh là 460.023 (Bốn trăm sáu mươi nghìn không trăm hai mươi ba) đồng.

Toà án tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

Chị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh V. Về con chung: Chị H yêu cầu nuôi cháu K, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung; Cháu T1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản đối với các tài sản đã yêu cầu Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh V trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Đồng ý giao cháu K cho chị H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh V. Về con chung: giao cháu Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2012 cho chị H nuôi dưỡng và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Phan Thiên T1, sinh ngày 03/8/2005 đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: tại phiên toà, các đương sự tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, chị H tự nguyện rút yêu cầu về yêu cầu chia tài sản nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết phần tài sản. Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng H2 và yêu cầu độc lập của Ngân hàng N: tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của các Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu độc lập, nên đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của

các Ngân hàng. Về án phí: chị H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm. Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với anh Phan Thiên V. Bị đơn anh Phan Thiên V cư trú tại thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Tại thông báo thụ lý vụ án số 128/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn*” nhưng quá trình giải quyết vụ án, các đương sự tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*”.

Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Phan Hoàng L1. Ngày 17/3/2025 Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu nhận được Thông báo chấm dứt uỷ quyền và tại phiên toà, chị H xác định không tiếp tục uỷ quyền cho anh Phan Hoàng L1. Do đó, HĐXX xác định anh Phan Hoàng L1 không còn tham gia tố tụng với tư cách đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V thống nhất tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được Ủy ban nhân dân xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81-2004, quyển số 01/TP – HT ngày 21/9/2004. (BL 01), đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị H và anh V thống nhất ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh V.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh V thống nhất có 02 con chung, tên: Phan Thiên T1, sinh ngày 03/8/2005 và Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2012.

HĐXX xét thấy: Tại phiên toà, chị H và anh V thống nhất thoả thuận giao cháu Phan Thiên K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu K. Xét thoả thuận này là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự.

Riêng cháu Phan Thiên T1, sinh ngày 03/8/2005 đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên toà, chị H tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung và anh V thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy việc rút yêu cầu về chia tài sản chung của chị H là sự tự nguyện nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung: Chị H và anh V thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết. *HĐXX xét thấy:*

Đối với khoản nợ của anh Phan Thiên B: ngày 04/9/2024, Toà án đã gửi thông báo cho anh B biết về việc anh V yêu cầu giải quyết khoản nợ 60.000.000đ trong cùng một vụ án (BL 63 và BL 80) nhưng anh B không phát sinh yêu cầu độc lập. Quá trình giải quyết vụ án (*tại biên bản hoà giải ngày 09/10/2024*), chị H và anh V thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết khoản nợ của anh Phan Thiên B nên HĐXX không xem xét, anh B được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi phát sinh yêu cầu.

Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng N và Ngân hàng H2: tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của các Ngân hàng có đơn tự nguyện rút yêu cầu độc lập, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên HĐXX đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của các Ngân hàng. Hậu quả của việc đình chỉ: các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu chi phí tố tụng, gồm: **6.015.000** (*Sáu triệu không trăm mười lăm nghìn*) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và **4.200.000** (*Bốn triệu hai trăm nghìn*) đồng chi phí định giá tài sản, tổng cộng là **10.215.000** (*Mười triệu hai trăm mười lăm nghìn*) đồng, chị H đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 218 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Phan Thiên V.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thiên K, sinh ngày 18/01/2012 cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh V không phải cấp dưỡng nuôi cháu K.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Phan Thiên T1, sinh ngày 03/8/2005 đã thành niên và có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của chị H về việc yêu cầu chia đôi xe ô tô hiệu TOYOTA VIOS biển số 78A – 036.10 đứng tên anh Phan Thiên V và yêu cầu chia thừa đất 368, tờ bản đồ 121, diện tích 798,1m² tọa lạc tại thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên đã được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CI 102986 ngày 19/7/2018 đứng tên anh Phan Thiên V.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng H2 và Ngân hàng N.

Hậu quả của việc đình chỉ: Đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án.

5. Về chi phí tố tụng: Chị H tự nguyện chịu **10.215.000** (Mười triệu hai trăm mười lăm nghìn) đồng, chị H đã nộp đủ.

6. Về án phí: Buộc chị H phải chịu **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền **300.000** (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000430 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

H1 lại cho Ngân hàng N – chi nhánh thị xã S số tiền **1.680.000** (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000571 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

H1 lại cho Ngân hàng hợp tác – chi nhánh tỉnh B số tiền **934.000** (Chín trăm ba mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000488 ngày 09/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- UBND xã Xuân Lộc, tx Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, GCNKH số 81 - 2004, quyền số 01/TP – HT ngày 21/9/2004)
- Lưu hồ sơ (2);
- Ấn Văn (2).

Trần Thị Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến Phạm Gắng

Trần Thị Ngọc Hà

